

Số: 124/2025/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Công M**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khu vực Bắc Vàng, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà 289/195, khu vực Bắc Vàng, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh Tn**, sinh năm 1996; Bà **Lý Ngọc Ch**, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Số 15/7, Lê Hồng Phong, khu vực 02, phường TN, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/11/2024).

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Công M và bà Lê Thị T.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Công M và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Ông M và bà T thống nhất có ba người con chung tên Phạm Thị Th (nữ), sinh ngày 09/01/1987; Phạm Thị Hn (nữ), sinh ngày 01/01/1989 và Phạm Công Th (nam), sinh ngày 16/12/1997. Tất cả đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Công M và bà Lê Thị T thống nhất rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông M và bà T thống nhất xin rút yêu cầu trả nợ chung. Thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Thống nhất nguyên đơn ông Phạm Công M tự nguyện chịu án phí số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông M đã nộp theo biên lai thu số 0002119 ngày 18/10/2024, ông M được nhận số tiền còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Công M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002216 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn ông Phạm Công M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002361 ngày 24/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn ông Phạm Công M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004821 ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn bà Lê Thị T đã được miễn nộp án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Ô Môn;
- UBND phường TL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phương Văn Chính

